

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2714/QĐ-UBND ngày 30/08/2023 của UBND huyện An Phú về việc thành lập tổ kiểm tra cấp Giấy phép môi trường của Phòng khám nội tổng hợp bác sĩ Nguyễn Văn Phước;

Xét đề nghị của ông Nguyễn Văn Phước tại Công văn số 01/CV-VP ngày 07 tháng 9 năm 2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Phòng khám nội tổng hợp bác sĩ Nguyễn Văn Phước và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 156/PTNMT-MT ngày 25 tháng 9 năm 2023 về việc cấp giấy phép môi trường của Phòng khám nội tổng hợp bác sĩ Nguyễn Văn Phước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Phòng khám nội tổng hợp bác sĩ Nguyễn Văn Phước, địa chỉ tại ấp Quốc Khánh, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Phòng khám nội tổng hợp bác sĩ Nguyễn Văn Phước.

1.2. Địa điểm hoạt động: ấp Quốc Khánh, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số 52C8007897, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 3 năm 2014 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 26 tháng 01 năm 2018 do Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện An Phú cấp.

1.4. Mã số thuế: 8045841864-001.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Phòng khám nội tổng hợp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Cơ sở tổng diện tích 747,9 m², tứ cận như sau:

+ Hướng Đông Bắc: Tiếp giáp nhà dân.

+ Hướng Đông Nam: Tiếp giáp đường đất.

+ Hướng Tây Nam: Tiếp giáp quốc lộ 91C.

+ Hướng Tây Bắc: Tiếp giáp nhà dân.

- Quy mô của dự án đầu tư: Phòng khám thuộc nhóm C, có tổng mức đầu tư: 30.000.000 (ba mươi triệu đồng), thuộc quy định tại khoản 4 Điều 10 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14).

- Công suất: 20 lượt/ngày.

+ Hoạt động xét nghiệm: 10 lượt/ngày.

+ Các hoạt động khác: 20 lượt/ngày.

- Tổng diện tích sử dụng đất nhà xưởng là 747,9 m², phân chia thành các khu chức năng như sau:

Stt	Các hạng mục công trình	Diện tích (m ²)
I	Hạng mục công trình chính	81,58
1	Phòng thuốc	12,9
2	Phòng chờ	16,64
3	Phòng xét nghiệm	29,84
4	Phòng khám	22,2
II	Các hạng mục bảo vệ môi trường	11,2
1	Nhà vệ sinh 1	2,16
2	Nhà vệ sinh 2	3,04
3	Nhà vệ sinh 3	4
4	Khu vực đặt thùng chứa rác	2
III	Hạng mục công trình phụ trợ	655,12
1	Lối đi nội bộ	48

2	Nhà bếp	51,3
3	Phòng ngủ	19,2
4	Hành lang ATGT	91,4
5	Khu đậu xe	30
6	Đất trống	415,22
Tổng diện tích		747,9

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn của tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Phòng khám nội tổng hợp bác sĩ Nguyễn Văn Phước có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu khí thải, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (UBND huyện An Phú), cơ quan chức năng ở địa phương, nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 25 tháng 9 năm 2023 đến ngày 25 tháng 9 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Ông Nguyễn Văn Phước;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Công TT điện tử huyện An Phú;
- Phòng TN và MT;
- UBND xã Quốc Thái;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 202/GPMT-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 02: Nước thải y tế.

2. Dòng xả nước thải: 01 dòng nước thải.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Đất trồng phía sau cơ sở.

2.2. Vị trí xả nước thải: Ấp Quốc Khánh, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ VN 2000): X= 0536085; Y=1206911.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 0,51 m³/ngày đêm; 0,051 m³/giờ (10 giờ/ngày).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy sau khi xử lý.

2.3.2. Chế độ xả thải: Liên tục, 24 giờ.

2.3.2. Chất lượng nước thải: Nước thải trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận đảm bảo đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải y tế, Giá trị tối đa của các thông số trong nước thải khi xả thải ra môi trường theo QCVN 28:2010/BTNMT, cột B với hệ số K = 1,2. Cụ thể các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn như bảng dưới đây:

Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

Stt	Thông số	Đơn vị	Giới hạn xin cấp phép
1	pH		6,5 – 8,5
2	TSS	mg/L	120
3	COD	mg/L	120
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	60

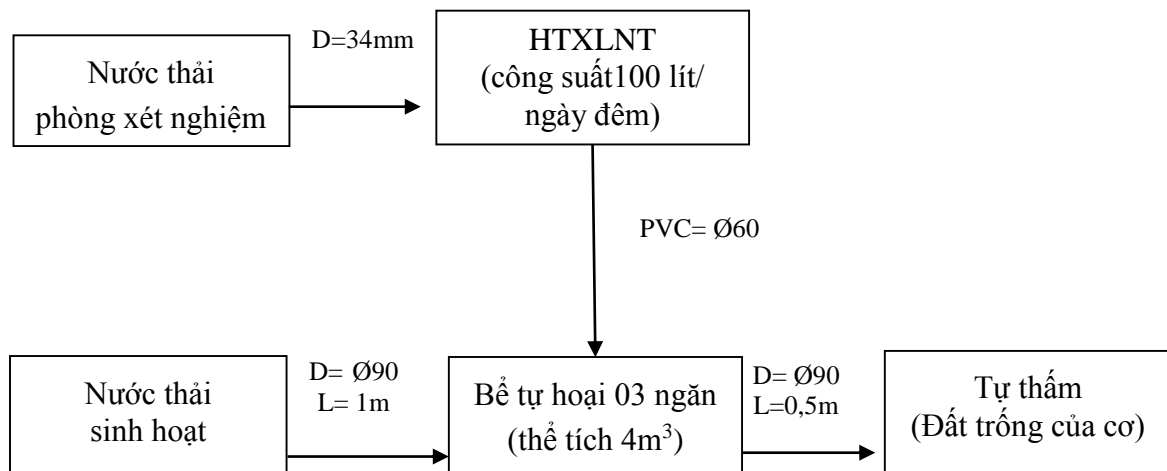
Stt	Thông số	Đơn vị	Giới hạn xin cấp phép
5	Nitrat (tính theo N)	mg/L	60
6	Phosphat (tính theo P)	mg/L	12
7	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,8
8	Amoni (tính theo N)	mg/L	12
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	24
10	Tổng coliforms	MPN/100mL	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt được trình bày cụ thể như sau:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Công trình xử lý tại chỗ

- Hàm tự hoại số 1: Thể tích $V_1 = 2,0m^3$; kích thước dài x rộng x cao = 2,0m x 1,0m x 1m.

- Hàm tự hoại số 2: Thể tích $V_2 = 3,0m^3$; kích thước dài x rộng x cao = 2,0m x 1,5m x 1m.

- Hàm tự hoại số 3: Thể tích $V_3 = 4,0m^3$; kích thước dài x rộng x cao = 2,0m x 2,0m x 1m.

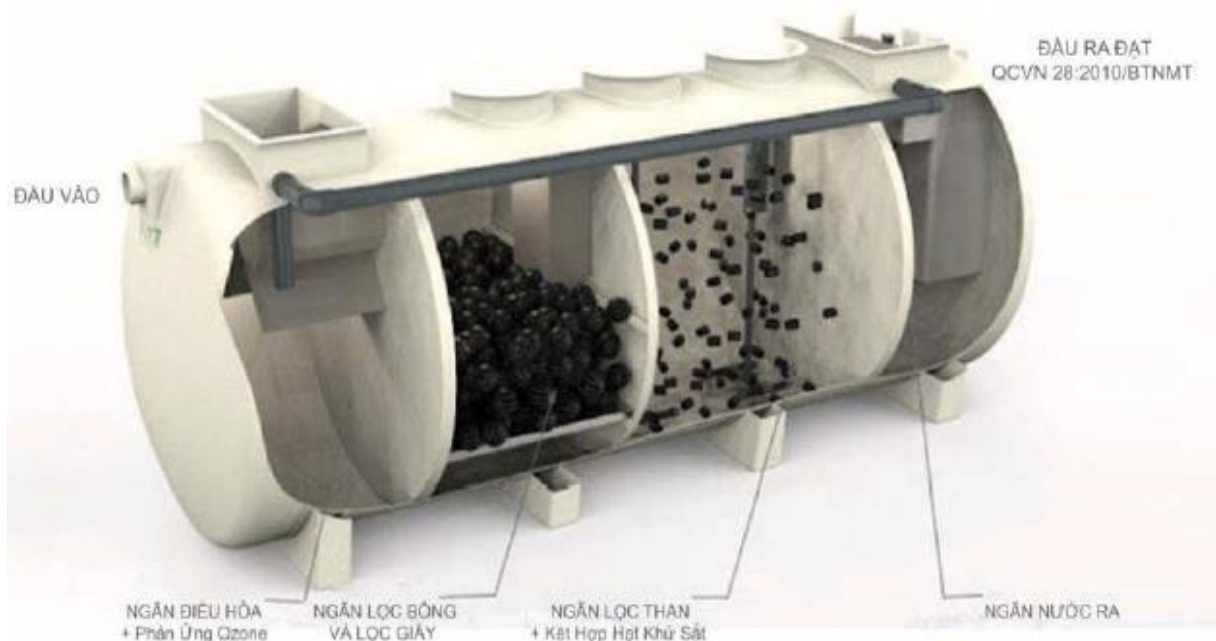
- Kết cấu: Bê tông cốt thép Mac200, tường gạch.

Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

Stt	Hạng mục	Kết cấu	Kích thước	Chiều dài	Số lượng
1	Ống thu gom nước thải sinh hoạt nhà vệ sinh số 1	Nhựa PVC	Ø90	20 m	1
2	Ống thu gom nước thải sinh hoạt nhà vệ sinh số 2	Nhựa PVC	Ø90	18 m	1
3	Ống thoát nước thải từ hầm tự hoại 4m ³ ra khu đất trống	Nhựa PVC	Ø90	0,5 m	1

b) Công trình xử lý nước thải y tế

❖ Sơ đồ quy trình công nghệ



Thuyết minh công nghệ xử lý nước thải:

Nước thải từ khu vực phát sinh được thu gom và dẫn về ngăn điều hoà của hệ thống xử lý nước thải.

- *Ngăn điều hoà:* Ngăn điều hoà có tác dụng thu thập, tập trung nước thải từ thiết bị khám chữa bệnh tại khu vực phòng khám. Tại ngăn điều hoà có lắp đặt hệ thống phản Ozone để xử lý nguồn nước thải đầu vào. Cụm phản ứng ozone bản chất nước thải từ thiết bị phòng khám chứa hàm lượng ô nhiễm lớn như COD, BOD, Nitơ,... Do đó, hệ thống cần có phương pháp xử lý nhanh hàm lượng ô nhiễm này mà lượng hóa chất cần được giảm thiểu tối đa. Tại đây, nước

được hòa trộn với khí ozoner và H₂O₂ để thực hiện quá trình phân hủy hợp chất hữu cơ. Khi hỗn hợp khí ozoner và H₂O₂ được xáo trộn hoàn toàn tạo thành phản ứng sinh gốc OH⁻ tự do. Với khả năng hoạt hóa và phân hủy oxy cao của OH⁻, các chất hữu cơ dễ dàng phân hủy và tạo thành các cặn có kích thước lớn và đưa qua quy trình xử lý tiếp theo để loại bỏ. Và nhờ thiết bị bơm hút được lắp đặt trong ngăn điều hoà mà nước thải được vận chuyển qua các công đoạn xử lý tiếp theo.

- *Cụm lọc bông + giấy*: Nước sau khi phản ứng phân hủy ozoner sinh ra hàm lượng cặn hữu cơ khá lớn vì vậy cần phải được loại bỏ hoàn toàn cặn hữu cơ này thông qua cụm lọc bông và giấy để đi đê công đoạn tiếp theo, phương pháp lọc bằng bông nén có kích thước siêu nhỏ 10µm và 5µm.

- *Cụm lọc ngăn lọc than kết hợp hạt khử sắt*: Công đoạn tiền xử lý này giúp làm giảm lượng chất rắn của nước thải. Định kỳ, các cột lọc than sẽ được thay thế hoặc rửa lọc.

- *Ngăn nước đầu ra*: Phần nước trong sau khi qua cụm xử lý sẽ được đưa về ngăn nước đầu ra, đồng thời hóa chất Clorin dạng viên sẽ được châm vào để tiêu diệt các vi trùng gây bệnh như E.Coli, Coliform,... có trong nước thải trước khi thải ra môi trường. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A

Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải

Stt	Cấu trúc Module	Đặc tính kỹ thuật
1	Bể điều hòa + ozone	Vật liệu: Composite. Dung tích: 20 lít. Kích thước: R30 × H50 Kèm đồng hồ máy tạo khí ozone, bộ đầu sục khí ozone làm việc theo mạch điện điều khiển định thời gian (Timer tự động).
2	Bể xử lý ozone bậc 2	Vật liệu: Inox 304. Dung tích: 40 lít. Kèm đồng bộ bộ đầu sục khí ozone làm việc theo mạch điện điều khiển định thời gian (Timer tự động).
3	Ngăn lọc bông + giấy	Vật liệu: nhựa uPVC. Dung tích: 10 lít. Kích thước: R10 × H30 Kèm đồng bộ bộ đầu sục khí ozone làm việc theo mạch điện điều khiển định thời gian (Timer tự động).

Stt	Cấu trúc Module	Đặc tính kỹ thuật
4	Ngăn lọc than hoạt tính + Khử sắt	Vật liệu: nhựa uPVC. Dung tích: 10 lít. Kích thước: R10 × H30 Kèm đồng bộ bộ đầu sục khí ozone làm việc theo mạch điện điều khiển định thời gian (Timer tự động). Lõi than hoạt tính: Số lượng 02.
5	Tủ điện điều khiển trung tâm	Vật liệu: Thép sơn tĩnh điện. Kích thước: 500 × 400 × 200 (D × R × C). Điện áp sử dụng: 220V/50Hz.

❖ Hóa chất sử dụng và điện năng tiêu thụ:

- Điện năng tiêu thụ: Điện năng tiêu thụ khoảng 400 kWh/tháng.

- Hóa chất sử dụng: Không (Hệ thống xử lý nước thải sử dụng công nghệ module xử lý bằng công nghệ Ozone (sử dụng máy tạo ozone). Thay tám lõi lọc khi giảm khả năng lọc, hư hỏng định kỳ 1 lần/năm để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải).

❖ Quy chuẩn áp dụng:

Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam hiện hành, QCVN 28:2010/BTNMT, cột B.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Không.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Do hoạt động của cơ sở không xả thải ra môi trường nên không tiến hành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động của cơ sở đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B trước khi thải ra môi trường./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 202/GPMT-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Phòng khám không phát sinh khí thải đến mức cần xử lý trong quá trình hoạt động kinh doanh dịch vụ, do đó không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải (mùi hôi)

- Bố trí nhân viên thường xuyên vệ sinh toàn bộ khu vực phòng khám nhằm giảm lượng bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyển tác động, bê tông hóa lối đi nội bộ.

- Sử dụng nhiên liệu đạt tiêu chuẩn cho các phương tiện vận chuyển.

- Yêu cầu các phương tiện đậu đúng nơi quy định (bãi giữ xe) và tắt động cơ khi ra vào phòng khám.

- Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh toàn bộ khu vực phòng khám.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Do hoạt động của cơ sở không có nguồn thải tập trung ra môi trường nên không tiến hành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý khí thải từ hoạt động của cơ sở đảm bảo toàn bộ khí thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 05:2013/BTNMT./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 202/GPMT-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

Phòng khám không phát sinh tiếng ồn, độ rung đến mức cần xử lý trong quá trình hoạt động kinh doanh dịch vụ, do đó không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Yêu cầu các nhân viên phòng khám và hướng dẫn bệnh nhân tắt động cơ phương tiện giao thông khi ra vào phòng khám.

- Nghiêm cấm nhân viên bệnh nhân tranh cãi gây ồn ào ảnh hưởng đến an ninh của khu vực.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị sử dụng (các thiết bị xét nghiệm, hệ thống xử lý nước thải,...)

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này. Đảm bảo tiếng ồn, độ rung phát sinh luôn đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 202/GPMT-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Khối lượng phát sinh khoảng 53kg/năm. Thành phần gồm:

Thành phần chất thải rắn y tế nguy hại không lây nhiễm

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn, lỏng, bùn)	Mã số CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Vỏ chai đựng hóa chất	Rắn	18 01 04	20
2	Dược phẩm hết hạn sử dụng thuộc nhóm gây độc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất	Rắn/lỏng	13 01 03	2
3	Bùn từ HTXLNT (bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý hóa lý)	Bùn	12 02 02	1,0
4	Than hoạt tính thải thay thế từ quá trình bảo trì hệ thống xử lý nước thải	Rắn	02 11 02	30
Tổng				53

- Chất thải nguy hại lây nhiễm: Khối lượng phát sinh khoảng 5 kg/tháng, tương đương 60 kg/năm. Thành phần gồm: Kim tiêm, bông gòn, dây truyền, găng tay dính máu, ống Eppendorf, dây garô, găng tay xử lý dụng cụ, đầu côn, tube đựng bệnh phẩm, lọ đựng bệnh phẩm (nước tiểu), panh hư hỏng.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phát sinh thường xuyên: Không phát sinh.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khối lượng phát sinh khoảng 9,6 kg/ngày. Bao gồm: loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát,

thực phẩm thừa, thức ăn thừa, và phát sinh từ hoạt động chuyên môn y tế như: giấy, bút bi, bút viết kính bị hư hỏng, vỏ chai đựng dung dịch NaCl 0,9%, Vỏ chai đựng đường Glucose 5%, các vật liệu nhựa không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải nguy hại lây nhiễm:

- *Khu vực phòng xét nghiệm:* Bố trí 03 thùng chứa có nắp đậy kín và đóng, mở thuận tiện trong quá trình sử dụng, có thể tái sử dụng sau khi đã được làm sạch và khử khuẩn.

+ Bố trí 01 thùng chứa 10 lít để chứa chất thải lây nhiễm sắc nhọn, có thành, đáy cứng, kháng thủng, miệng thùng, dụng cụ được thiết kế an toàn tránh tràn đổ, rơi vãi chất thải ra bên ngoài và có màu vàng.

+ Bố trí 01 thùng chứa 10 lít để chứa chất thải lây nhiễm không sắc nhọn, có lót túi và có màu vàng.

+ Bố trí 01 Can nhựa 10 lít chứa chất thải lây nhiễm dạng lỏng, có nắp đậy kín.

- *Khu vực phòng khám bệnh:* Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy kín và đóng, mở thuận tiện trong quá trình sử dụng, có thể tái sử dụng sau khi đã được làm sạch và khử khuẩn.

+ Bố trí 01 thùng chứa 10 lít để chứa chất thải lây nhiễm sắc nhọn, có thành, đáy cứng, kháng thủng, miệng thùng, dụng cụ được thiết kế an toàn tránh tràn đổ, rơi vãi chất thải ra bên ngoài và có màu vàng.

+ Bố trí 01 thùng chứa 10 lít để chứa chất thải lây nhiễm không sắc nhọn, có lót túi và có màu vàng.

- *Phòng thuốc:* Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy kín và đóng, mở thuận tiện trong quá trình sử dụng, có thể tái sử dụng sau khi đã được làm sạch và khử khuẩn.

+ Bố trí 01 thùng chứa 10 lít để chứa chất thải lây nhiễm sắc nhọn, có thành, đáy cứng, kháng thủng, miệng thùng, dụng cụ được thiết kế an toàn tránh tràn đổ, rơi vãi chất thải ra bên ngoài và có màu vàng.

+ Bố trí 01 thùng chứa 10 lít để chứa chất thải lây nhiễm không sắc nhọn, có lót túi và có màu vàng.

Chất thải nguy hại không lây nhiễm:

- Bộ trí 02 thùng chứa có nắp đậy kín và đóng, mở thuận tiện trong quá trình sử dụng và có mã, tên loại chất thải lưu, trong đó:

+ Bộ trí 01 thùng chứa 20 lít để thu gom và lưu chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm ở dạng rắn, đựng trong thùng chứa có lót túi và có màu đen.

+ Bộ trí 01 thùng chứa 20 lít để chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng và chứa trong thùng chứa chất lỏng có nắp đậy kín.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại lây nhiễm: Bộ trí 03 thùng chứa có nắp đậy kín và đóng, mở thuận tiện trong quá trình sử dụng, có thể tái sử dụng sau khi đã được làm sạch và khử khuẩn.

- Bộ trí 01 thùng chứa 20 lít để chứa chất thải lây nhiễm sắc nhọn, có thành, đáy cứng, kháng thủng, miệng thùng, dụng cụ được thiết kế an toàn tránh tràn đổ, rơi vãi chất thải ra bên ngoài và có màu vàng.

- Bộ trí 01 thùng chứa 20 lít để chứa chất thải lây nhiễm không sắc nhọn, có lót túi và có màu vàng.

- Bộ trí 01 Can nhựa 20 lít chứa chất thải lây nhiễm dạng lỏng và có nắp đậy kín.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại lây nhiễm: Xây dựng kho lưu giữ CTNH có diện tích: $1\text{m} \times 1\text{m} \times 2,7\text{m}$, bảo đảm kín khít, có vách và mái che mưa, bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn và có biển cảnh báo nguy hiểm theo quy định

Khu chứa chất thải nguy hại 1m^2 , có dán biển cảnh báo, gờ chắn chống tràn, chống thấm, đảm bảo không bị mưa tạt, gió lùa.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường
Không phát sinh.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bộ trí 02 thùng chứa rác có nắp đậy kín, dung tích thùng từ 10 – 20 lít để thu gom, lưu giữ chất thải tại phòng khám, cụ thể như sau:

- Khu vực phòng chờ và lối đi nội bộ: Bộ trí 02 thùng chứa rác để thu gom có thể tích 10 lít.

- Khu vực phòng xét nghiệm: Bộ trí 02 thùng chứa rác để thu gom có thể tích 10 lít.

- Khu vực phòng khám bệnh: Bố trí 02 thùng chứa rác để thu gom có thể tích 10 lít.

- Phòng thuốc: Bố trí 02 thùng chứa rác để thu gom có thể tích 10 lít.

- Khu vực tập kết rác: 02 thùng lưu giữ loại 20 lít, thùng nhựa màu xanh.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Cuối ngày vận chuyển ra lề đường cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện đúng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở, đảm bảo tuân thủ đúng quy định kỹ thuật về an toàn và môi trường.

Đảm bảo nguồn nhận lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

Bố trí đội cứu hộ ứng trực thường xuyên và nhắc nhở, giám sát công nhân phòng ngừa tai nạn có thể xảy ra./.